TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2024/DS-ST
Ngày: 24 – 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Tuyết Kha

2. Ông Trần Văn Phước

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 200/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 387/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tạ Việt A, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Số B, đường V, Khóm D, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Phan Văn N, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Thanh V, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số D, đường B, Khóm T, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2024, và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Tạ Việt A trình bày: Vào ngày 07/3/2023, anh Phan Văn N có thỏa thuận vay số tiền 1.064.000.000 đồng, trong đó ông cho anh N vay 532.000.000 đồng, ông Ngô Thanh V cho anh Phan Văn N vay 532.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Khi cho vay, có lập giấy mượn tiền có thế chấp sổ hồng ngày 07/3/2023 có ông, ông V và anh N cùng ký tên. Anh N có giao cho ông và ông V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 124950 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS10685 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 124951 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS10686 nhưng anh N đã nhận lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Từ khi vay đến nay, anh N trả được 800.000.000 đồng tiền nợ gốc và 49.420.000 đồng tiền lãi (trong đó, anh Phan Văn N chuyển khoản cho ông vào ngày 10 tháng 5 năm 2023 được 9.420.000 đồng, chuyển khoản vào ngày 13/6/2023 là 9.000.000 đồng, chuyển khoản cho ông A vào ngày 06/4/2023 số tiền 31.000.000 đồng), chỉ còn nợ lại 264.000.000 đồng tiền nợ gốc nên anh N có lập lại biên nhận ngày 07/4/2023 thể hiện nội dung anh Phan Văn N còn nợ lại số tiền 264.000.000 đồng, trong đó nợ ông 132.000.000 đồng và nợ ông Tạ Việt A 132.000.000 đồng nợ gốc. Ông yêu cầu anh N trả số tiền vay gốc 131.396.000 đồng và tiền lãi suất 3%/tháng tính từ ngày 06/6/2023 đến ngày 17/4/2024, thời gian 10 tháng với số tiền 39.518.800 đồng. Đối với số tiền lãi anh N đã trả cho ông là 24.710.000 đồng thì ông đồng ý điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay đến nay. Ngày 05/8/2024, ông Tạ Việt A rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 17.607.064 đồng và một phần mức lãi suất 1,34%/tháng.

Bị đơn anh Phan Văn N trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2024: Vào ngày 09/02/2023, anh có vay của ông Ngô Thanh V số tiền 500.000.000 đồng, vay của ông Tạ Việt A số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/ngày, khi vay anh có làm biên nhận do anh tự ghi. Ngày 28/02/2023, anh có vay riêng của ông Ngô Thanh V số tiền 50.000.000 đồng, khi vay không có làm giấy tờ. Đến ngày 07/3/2024, anh có làm biên nhận lại tổng số tiền anh nợ ông Ngô Thanh V và ông Tạ Việt A là 1.064.000.000 đồng trong đó 1.000.000.000 đồng (nợ của ông A và ông V, mỗi người 500.000.000 đồng), cộng với 64.000.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng vay của ông V và 14.000.000 đồng tiền lãi phát sinh của số tiền vay 1.000.000.000 đồng. Anh có giao cho ông V và ông A giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, anh đã mượn lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để thế chấp vay vốn Ngân hàng. Anh đã trả cho ông A số tiền nợ gốc 420.000.000 đồng (trong đó 400.000.000 đồng trong phần 800.000.000 đồng làm biên nhận, chuyển khoản 20.000.000 đồng vào ngày 06/4/2023). Tiền lãi anh đã trả

cho ông A được 49.000.000 đồng trong đó chuyển khoản ngày 06/4/2023 là 11.000.000 đồng và tiền mặt 31.000.0000 đồng trong biên nhận ghi ngày 06/4/2023, 7.000.000 đồng trong khoản tiền 14.000.000 đồng được cộng vào số tiền 1.064.000.000 đồng. Anh chỉ đồng ý trả cho ông Tạ Việt A số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng. Về tiền lãi anh yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 06/6/2023 đến khi giải quyết vụ án, đối với số tiền lãi đã trả là 49.000.000 đồng thì yêu cầu đối trừ lại, nếu có chênh lệch thì trừ vào số tiền gốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thanh V trình bày: Vào ngày 07/3/2023, ông và ông Tạ Việt A có cho anh Phan Văn N vay số tiền 1.064.000.000 đồng trong đó ông cho anh N vay 532.000.000 đồng, ông A cho anh N vay 532.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Anh N có giao cho ông và ông A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 124950 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS10685 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 124951 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS10686 nhưng hiện nay anh N đã nhận lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Khi vay anh N có viết "Giấy mượn tiền có thế chấp sổ hồng" có ông, ông A ký tên tại bên cho mượn và anh Phan Văn N ký tên tại mục "Bên mượn". Ngoài ra, anh Phan Văn N có vay riêng của ông số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 28/02/2023.

Sau khi vay tiền, anh N đã trả cho ông và ông A mỗi người được 400.000.000 đồng tiền nợ gốc, cụ thể anh N chuyển qua tài khoản ông là 800.000.000 đồng, ông đã chuyển cho ông A 400.000.000 đồng. Về tiền lãi, anh N đã trả cho ông và ông A mỗi người được 24.710.000 đồng, cụ thể chuyển khoản cho ông A 31.000.000 đồng, chuyển khoản cho ông vào ngày 10/5/2023 số tiền 9.420.000 đồng, chuyển khoản vào ngày 13/6/2023 số tiền 9.000.000 đồng. Vì vậy, anh Phan Văn N còn nợ lại ông 182.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Ông đã khởi kiện anh Phan Văn N ở một vụ án khác nên ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Tạ Việt A chỉ yêu cầu anh Phan Văn N trả lại số tiền nợ gốc 131.396.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/6/2023 đến ngày 17/4/2024 với mức lãi suất 1.66%/tháng. Ông đồng ý điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền anh N vay và đối trừ với số tiền lãi anh N đã trả cho ông là 24.710.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố

tụng Dân sự. Riêng bị đơn anh Phan Văn N chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Việt A. Buộc anh Phan Văn N trả cho ông Tạ Việt A số tiền131.396.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh 11.254.533 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Việt A đối với số tiền lãi 17.607.064 đồng và mức lãi suất 1,34%/tháng. Về án phí, anh Phan Văn N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Ông Tạ Việt A khởi kiện anh Phan Văn N yêu cầu thanh toán số tiền vay nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi khởi kiện anh Phan Văn N cư trú tại ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phan Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại đơn khởi kiện, ông Tạ Việt A yêu cầu anh Phan Văn N thanh toán số tiền vay gốc 131.396.000 đồng và tiền lãi 3%/tháng phát sinh từ ngày 06/6/2023 đến ngày 17/4/2024 tạm tính 10 tháng với số tiền 39.418.800 đồng. Ngày 05/8/2024, ông Tạ Việt A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 17.607.064 đồng và mức lãi suất 1.34%/tháng, ông A chỉ yêu cầu anh N thanh toán tiền lãi với lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 06/6/2023 đến ngày 17/4/2024. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông A là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông A yêu cầu anh N trả số tiền lãi 17.607.064 đồng và mức lãi suất 1.34%/tháng.

[2.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Tạ Việt A có cung cấp "Giấy mượn tiền có thế chấp sổ hồng đề ngày 07/3/2023" do anh Phan Văn N viết và ký tên tại mục "Bên mượn" thể hiện anh N có vay 1.064.000.000 đồng, trong đó vay của ông 532.000.000 đồng và của ông Ngô Thanh V 532.000.000 đồng. Từ khi vay anh N đã thanh toán được 400.000.000 đồng nợ gốc và 24.710.000 đồng tiền lãi nên sau đó giữa ông với anh N và ông V có lập lại biên nhận ngày 07/4/2023 nội dung thể hiện anh Phan Văn N còn nợ lại số tiền 264.000.000 đồng trong đó nợ ông 132.000.000 đồng và nợ ông Ngô Thanh V 132.000.000 đồng. Tại biên bản

lấy lời khai ngày 12/8/2024, anh N xác định có giao dịch vay tiền với ông V và ông A, anh cũng thống nhất "Giấy mượn tiền có thế chấp sổ hồng đề ngày 07/3/2023" và "Biên nhận ngày 07/4/2023" là do anh viết và ký tên tại mục bên mượn. Tuy nhiên, trước khi vay 1.064.000.000 đồng thì anh vay của ông V và ông A mỗi người 500.000.000 đồng và có viết biên nhận ngày 09/02/2023, sau đó đến ngày 07/3/2023, do chưa có tiền thanh toán nên anh với ông A, ông V lập lại biên nhận cộng thêm số tiền 50.000.000 đồng vay riêng của ông V và 14.000.000 đồng tiền lãi thành số tiền 1.064.000.000 đồng. Phía ông A và ông V xác định trước khi cho anh N vay 1.064.000.000 đồng thì ông A, ông V không có cho anh N vay 1.000.000.000 đồng như anh N trình bày, vì vậy biên nhận ngày 09/02/2023 thì ông A, ông V không có ký tên. Ngoài ra, anh N không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Do đó, anh N cho rằng trong số tiền 1.064.000.000 đồng có số tiền 50.000.000 đồng vay riêng ông V và 14.000.000 đồng tiền lãi là chưa có cơ sở chấp nhận.

Theo anh Phan Văn N xác định từ khi vay anh N đã thanh toán cho ông A được 420.000.000 đồng tiền vay gốc trong đó chuyển khoản lần 1 số tiền 400.000.000 đồng và chuyển khoản lần 2 số tiền 20.000.000 đồng cũng vào ngày 06/4/2023. Theo ông A xác định số tiền anh N chuyển khoản vào ngày 06/4/2023 chuyển thông qua tài khoản ông V có khoản tiền gốc thanh toán cho ông 400.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền 20.000.000 đồng là tiền lãi anh N chuyển cho ông và ông có ghi nội dung có nhận của anh Phan Văn N số tiền 800.000.000 đồng tiền nợ gốc và 31.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 06/4/2023 phía dưới biên nhận mượn sổ đỏ. Xét thấy, khi anh N chuyển khoản không thể hiện là số tiền gốc hay tiền lãi. Mặc khác, theo biên nhận ngày 07/4/2023, anh Phan Văn N vẫn xác định nợ lại ông V và ông A số tiền 264.000.000 đồng, do đó có cơ sở xác định số tiền nợ gốc anh N thanh toán cho ông A là 400.000.000 đồng, anh N còn nợ ông A số tiền 132.000.000 đồng. Ông A chỉ yêu cầu anh N thanh toán số tiền nợ gốc 131.396.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Theo anh N xác định số tiền lãi anh trả cho ông A tổng cộng 49.000.000 đồng, trong đó chuyển khoản 11.000.000 đồng vào ngày 06/4/2023 và tiền mặt 31.000.000 đồng ghi phía dưới biên nhận mượn sổ đỏ ngày 06/4/2023, 7.000.000 đồng trong khoản tiền 14.000.000 đồng. Nguyên đơn ông Tạ Việt A xác định ông có nhận chuyển khoản của anh N số tiền 31.000.000 đồng vào ngày 06/4/2023 và ông cũng ghi rõ đã nhận số tiền 31.000.000 đồng phía dưới biên nhận mượn sổ đỏ, số tiền 31.000.000 đồng anh N chuyển khoản và số tiền 31.000.000 đồng ông ghi phía dưới biên nhận mượn sổ đỏ là một. Hội đồng xét xử xét thấy vào ngày 06/4/2023, anh N có chuyển khoản cho ông Ngô Thanh V và ông Tạ Việt A 4 lần với tổng số tiền 831.000.000 đồng và điều này được ông A, ông V thừa nhận và ông A ghi lại nội dung này phía dưới "Biên nhận mượn sổ đỏ" là có nhận

của anh N 800.000.000 đồng nợ gốc và 31.000.000 đồng tiền lãi. Do đó, việc anh N cho rằng số tiền 31.000.000 đồng ghi trong biên nhận mượn sổ đỏ khác với số tiền 31.000.000 đồng anh chuyển khoản cho ông A là chưa có cơ sở chấp nhận. Đối với số tiền 7.000.000 đồng anh N cho rằng đã trả lãi cho ông A, theo nhận định tại mục [2.1] là chưa có cơ sở chấp nhận ý kiến của anh N. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận anh N đã trả tiền lãi cho ông A số tiền 24.710.000 đồng.

Anh N có yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất theo quy định đối với số tiền vay của ông A. Ông A cũng thống nhất điều chỉnh lại lãi suất theo quy định nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, theo ông A xác định khi cho anh N vay 1.064.000.000 đồng thì có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, lời trình bày của ông A là phù hợp do vào ngày 06/4/2023, anh Phan Văn N có chuyển trả cho ông A số tiền lãi 31.000.000 đồng. Do các bên có thỏa thuận lãi suất vượt quá quy định của pháp luật, căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự lãi suất sẽ được điều chỉnh lại, lãi suất được tính như sau: Thời gian tính lãi từ ngày 07/3/2023 đến ngày 06/4/2023 là 01 tháng trên số tiền nợ gốc 532.000.000 đồng với lãi suất 1.66%/tháng thì tiền lãi là 8.831.200 đồng. Thời gian từ ngày 07/4/2023 đến ngày 17/4/2024 là 01 năm 10 ngày trên số tiền gốc 132.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm thì tiền lãi là 27.133.333 đồng, tổng cộng là 35.964.533 đồng. Ông A xác định anh N đã trả được số tiền lãi 24.710.000 đồng. Sau khi đối trừ số tiền lãi anh N đã trả thì anh N còn phải trả tiếp cho ông A số tiền lãi là 11.254.533 đồng.

[3] Về án phí dân sự có giá ngạch: Anh Phan Văn N phải chịu 5% của số tiền 142.650.533 đồng phải thanh toán cho ông A, cụ thể: 142.650.533 đồng x 5% = 7.132.000 đồng.

Ông Tạ Việt A không phải chịu án phí. Ông Tạ Việt A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.270.000 đồng theo Biên lai số 0006945 ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

[4] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Việt A đối với anh Phan Văn N. Buộc anh Phan Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Tạ Việt A số tiền 142.650.533 đồng (trong đó nợ gốc 131.396.000 đồng và tiền lãi 11.254.533 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Việt A đối với anh Phan Văn N về số tiền lãi 17.607.064 đồng và mức lãi suất 1.34%/tháng.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Phan Văn N phải nộp số tiền 7.132.000 đồng. Ông Tạ Việt A không phải chịu án phí. Ông Tạ Việt A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.270.000 đồng theo Biên lai số 0006945 ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long, Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện P, Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Hồng Đào